



Tuần 4 (18-22/1/2021)

BSC WEEKLY REVIEW

***VN-Index kiểm tra lại 1,200
điểm lần 2***



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *VN-Index kiểm tra lại 1,200 điểm lần 2*
2. PTKT VN-INDEX: *Tuần tăng thứ 11 liên tiếp*
3. TIN VĨ MÔ: *Gói hỗ trợ 1,900 tỷ USD được đề xuất bởi tổng thống Biden*
4. PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU: *AGG CSV VCS VJC*
5. THỐNG KÊ KHUYẾN NGHỊ BÁO CÁO TUẦN: *8/10 khuyến nghị có hiệu suất dương*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Dịch vụ tài chính_7.83%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *ETF VNM, FTSE, E1, Diamond, Mirae Asset tham gia tích cực*
8. CẬP NHẬT i-INVEST: *Chiến tranh thương mại_11.5%*
9. CẬP NHẬT I-BROKER: *Express FRT 2020Q4*
10. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: VN-Index kiểm tra lại 1,200 điểm lần 2

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1194.20	2.27%
GTGD/phiên (tỷ VND)	15,518.72	1.80%
Khối ngoại (tỷ VND)	-1943.21	
HNX-INDEX	225.47	3.71%
GTGD/phiên (tỷ VND)	2317.30	29.39%
Khối ngoại (tỷ VND)	-73.21	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	3768.25	-0.72%	-1.48%	1.81%
EU (EURO STOXX)	3599.55	-1.15%	-1.25%	1.60%
China (SHCOMP)	3566.38	0.01%	-0.10%	4.74%
Japan (NIKKEI)	28519.18	-0.62%	3.74%	6.86%
Korea (KOSPI)	3085.90	-2.03%	-2.10%	11.94%
Singapore (STI)	3004.87	0.16%	0.39%	4.60%
Thailand (SET)	1519.13	-1.10%	-1.13%	2.50%
Phillipines (PCOMP)	7238.46	-0.48%	-0.71%	-0.11%
Malaysia (KLCI)	1627.01	-0.53%	-0.38%	-3.24%
Indonesia (JCI)	6373.41	-0.85%	1.85%	6.00%
Vietnam (VNIndex)	1194.20	0.57%	2.27%	13.54%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2101	1190.50	0.70%	16315.9	54229.2
VN30F2102	1198.00	1.34%	195.1	2319.8
VN30F2103	1197.60	1.30%	20.4	488.0
VN30F2106	1195.70	1.14%	12.2	364.0

TTCK VIỆT NAM

Dòng tiền tích cực, VN-Index hình thành vùng tích lũy sát đỉnh và sớm kiểm tra 1,200 điểm.

Áp lực chốt lãi khiến VN-Index giao dịch giằng co trong 4 phiên dưới 1,200 điểm sau phiên tăng mạnh đầu tuần. Đà tăng điểm thu hẹp nhẹ, chỉ với 14/19 ngành tăng và 273 cổ phiếu tăng so với 106 cổ phiếu giảm. Nhóm tài chính duy trì mức tăng vượt trội 7.8%, dù nhiên dòng tiền luân chuyển cũng đẩy các nhóm Hóa chất, Ô tô và phụ tùng và Tài nguyên cơ bản tăng tốt. Thông tin sơ bộ về KQKD cũng đã ảnh hưởng đến nhiều cổ phiếu với diễn biến tăng giảm bất ngờ. VN-Index vẫn đang trong quá trình kiểm tra 1,200 điểm tuy nhiên khả năng phân hóa sẽ sớm diễn ra với KQKD được công bố.

NHNN đang lấy ý kiến sửa đổi một số điều Thông tư 01, theo đó cơ cấu thời gian trả nợ đối với số dư nợ đáp ứng đầy đủ các điều kiện: (1) các khoản nợ phát sinh trước ngày 10/6/2020; (2) phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ 23/1/2020 đến 31/3/2021 và (3) khách hàng không có khả năng trả nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng do doanh thu, thu nhập giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19. Thông tư 01 cũng quy định chi tiết trích lập dự phòng theo kết quả phân loại nợ của khách hàng theo lộ trình đến cuối 2021, 2022, 2023 và như bình thường vào 2024. Thông tư sửa đổi này cũng có ảnh hưởng đến KQKD các ngân hàng trong năm 2021.

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Mỹ giao dịch giằng co ở vùng đỉnh chờ kế hoạch kích thích kinh tế của ông Biden.

Các TTCK chủ chốt, ngoại trừ Nhật bản giao dịch giằng co và điều chỉnh nhẹ. TTCK Mỹ đang chờ kế hoạch hỗ trợ của ông Biden, theo đó gói hỗ trợ trị giá 1,900 tỷ USD bao gồm: (1) chi 1,400 USD cho mỗi người dân, (2) tăng lương tối thiểu lên 15 USD/giờ, (3) 400 tỷ USD chi tiêu cho việc phòng chống Covid-19, trong đó 20 tỷ USD được dành cho vaccine. Đây là thử thách đầu tiên của ông Biden phải thuyết phục 2 Đảng thông qua gói hỗ trợ trên cương vị Tổng thống. Diễn biến trên thị trường hàng hóa biến động rõ rệt so với thị trường tiền tệ với sự tăng 1.8%, đóng góp chủ yếu từ nhóm Đường, Lúa mì, Cao su và Bạc. Trong tuần tới, Tổng thống đắc cử Biden sẽ có một bài phát biểu nhậm chức trong làn sóng phản đối của người ủng hộ ông Trump và an ninh được siết chặt. Những thông điệp đưa ra được chờ đợi là những việc quan trọng cần thực hiện trước trong nhiệm kỳ tổng thống. Cùng với đó, NHTW Nhật Bản, Anh và Canada cũng công bố biên bản chính sách tiền tệ và các thông tin liên quan đến triển vọng kinh tế. Các chính sách tiền tệ nhiều khả năng vẫn giữ nguyên so với các kỳ họp trước đó.

Chú thích: * tỷ VNĐ

^ hợp đồng



PTKT VN-INDEX: *Tuần tăng thứ 11 liên tiếp*

Đồ thị tuần: VNIndex có tuần thứ mười một liên tiếp tăng điểm qua đó tiệm cận trở lại vùng đỉnh lịch sử. Chỉ số có khuynh hướng giảm về động lượng khi vùng điểm quanh 1200 đang là ngưỡng cản không dễ để vượt qua. ADX tăng về quanh giá trị 33.5 đồng thời các chỉ báo kỹ thuật đang có trạng thái tích cực, trong khi đó, khối lượng giao dịch không chênh lệch nhiều so với tuần trước. Đường MACD vẫn đang duy trì trên đường tín hiệu và khoảng cách đang có chiều hướng mở rộng. Ngưỡng hỗ trợ của chỉ số trong trung hạn là tại khu vực quanh 995 điểm, tương ứng với giá trị hiện tại của SMA20.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- Chỉ báo động lượng RSI ở trong vùng quá mua.
- Thanh khoản thị trường duy trì cao hơn giá trị trung bình 20 phiên.

Nhận định: VNIndex duy trì trạng thái tăng trung hạn và tiếp tục hướng đến chinh phục vùng đỉnh lịch sử của năm 2018. Bên cạnh đó, việc thanh khoản tiếp tục giữ ở mức cao cho thấy các thành viên tham gia thị trường vẫn đang hoạt động giao dịch tích cực. Theo đánh giá hiện tại thì VNIndex trong tuần tiếp theo nhiều khả năng sẽ vẫn gặp khó khăn tại khu vực quanh 1200 và áp lực chốt lời mạnh có thể xảy ra tại ngưỡng này. Mặt khác, những thông tin công bố về kết quả kinh doanh Quý 4 và cả năm 2020 của các doanh nghiệp sẽ tác động phần nào đến vận động của các cổ phiếu trong tuần tới.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: Gói hỗ trợ 1,900 tỷ USD được đề xuất bởi tổng thống Biden

VIỆT NAM:

- USTR không đưa ra bất kỳ hành động cụ thể nào liên quan tới kết quả điều tra theo Mục 301 về chính sách định giá tiền tệ của Việt Nam, nhưng sẽ tiếp tục đánh giá các phương án hiện có.
- Dự kiến sửa đổi bổ sung Thông tư 01/2020, TCTD trích bổ sung dự phòng theo tỷ lệ trên số tiền chênh lệch, giữa số tiền dự phòng cụ thể phải trích lập đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng với số trích lập trên dư nợ được cơ cấu của khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, thời điểm Thông tư sửa đổi có hiệu lực đến hết 31/12/2021, tối thiểu 30% số tiền chênh lệch. Từ 1/1/2022 đến 31/12/2022 tối thiểu 60% số tiền chênh lệch và từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 là 100% số tiền chênh lệch. Từ 1/1/2024, các TCTD quay trở lại xác định phân loại nợ và trích lập như quy định của NHNN.
- Viện Nghiên cứu quản lý Kinh tế trung ương (CIEM) dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2021 có thể đạt mức 5,98% theo Kịch bản 1, và 6,46% trong Kịch bản 2. Xuất khẩu cả năm dự báo tăng 4,23% trong Kịch bản 1 và tăng 5,06% trong Kịch bản 2. Thặng dư thương mại dự báo tương ứng ở các mức 5,49 tỷ USD và 7,24 tỷ USD. Lạm phát bình quân năm 2021 lần lượt đạt 3,51% và 3,78%.
- Theo khảo sát NHNN, các TCTD dự kiến nới lỏng nhẹ tiêu chuẩn tín dụng đối với các nhóm khách hàng trong năm 2021. Dự nợ tín dụng dự báo tăng tăng 3.6% trong quý I/2021 và tăng 13% trong năm 2021. Huy động vốn dự báo tăng 3.5% trong quý I/2021 và tăng 11,9% trong năm 2021.

THẾ GIỚI:

- Tại Mỹ, sản lượng công nghiệp tăng 1.6% MoM trong tháng 12. Quý IV/2020, sản lượng công nghiệp tăng 8.4% YoY so cùng kỳ 2019. Bán lẻ hàng hóa giảm 0.7% MoM trong tháng 12. Lạm phát Hoa Kỳ đạt 1.4% YoY trong tháng 12. Lạm phát cơ bản tăng 1.4% YoY trong tháng 12.
- Tân Tổng thống Joe Biden đưa ra gói hỗ trợ trị giá 1,900 tỷ USD bao gồm: (1) chi 1,400 USD cho mỗi người dân, (2) tăng lương tối thiểu lên 15 USD/giờ, (3) 400 tỷ USD chi tiêu cho việc phòng chống Covid-19, trong đó 20 tỷ USD được dành cho vaccine. Chính phủ dự chi 4,800 tỷ USD năm 2021.
- Thặng dư thương mại Trung Quốc đạt 78.17 tỷ USD trong tháng 12. Xuất khẩu tăng 18.1% YoY lên 281.9 tỷ USD trong tháng 12. Nhập khẩu tăng 6.5% YoY lên 203.7 tỷ USD trong tháng 12. Cả năm 2020, thặng dư thương mại đạt 535.03 tỷ USD: xuất khẩu tăng 3.6% YoY và nhập khẩu giảm 1.1% YoY. Chỉ số giá tiêu dùng Trung Quốc tăng 0.2% YoY trong tháng 12, Cả năm 2020, chỉ số giá tiêu dùng tăng 2.5%.
- Chủ tịch FED cho biết hiện tại chưa phải là thời điểm để nói về việc kết thúc các gói thu mua tài sản của FED.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Công ty niêm yết công bố KQKD dự kiến quý IV và năm 2020.
- Biến động thị trường tuần đáo hạn HĐTL 21/1 (trạng thái discount và hợp đồng mở ở mức cao).
- Ngày 18/1, GDP năm 2020, chỉ số sản xuất, doanh thu bán lẻ, thất nghiệp Trung Quốc; Chủ tịch BOE phát biểu. 20/1, CPI của EU; Lãi suất qua đêm, Biên bản chính sách tiền tệ NHTW Canada. 21/1, Tổng thống đắc cử Hoa Kỳ phát biểu; Báo cáo triển vọng kinh tế và Biên bản chính sách tiền tệ Nhật Bản; Biên bản chính sách tiền tệ ECB. 22/1, Thống đốc NHTW Anh phát biểu; Chỉ số PMI sản xuất và dịch vụ của Anh và EU.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

AGG

32.9

Upside 15.50%

Xu hướng hiện tại

Tăng giá

Khuyến nghị
kỹ thuật

Khả quan

CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia

Giá mục tiêu 38

Giá cắt lỗ 31.5

Kháng cự 34

Hỗ trợ 32.5

MACD ↑

RSI ↓

Moving Average ↑

Thanh khoản ↔



Nguồn: BSC Research

CSV

30.25

Upside 9.09%

Xu hướng hiện tại

Tích lũy

Khuyến nghị
kỹ thuật

Khả quan

CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam

Giá mục tiêu 33

Giá cắt lỗ 28.5

Kháng cự 30.5

Hỗ trợ 29.25

MACD ↑

RSI ↔

Moving Average ↑

Thanh khoản ↔



Nguồn: BSC Research



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

VCS

90.3

Upside 21.26%

CTCP Vicostone

Xu hướng hiện tại

Tăng giá

Khuyến nghị
kỹ thuật

Khả quan

Giá mục tiêu 109.5

Giá cắt lỗ 83.5

Kháng cự 93.5

Hỗ trợ 88

MACD ↑

RSI ↓

Moving Average ↑

Thanh khoản ↔

VJC

131.8

Upside 15.33%

CTCP Hàng không VIETJET

Xu hướng hiện tại

Tăng giá

Khuyến nghị
kỹ thuật

Tích cực

Giá mục tiêu 152

Giá cắt lỗ 119.5

Kháng cự 132

Hỗ trợ 125

MACD ↑

RSI ↑

Moving Average ↑

Thanh khoản ↔



Nguồn: BSC Research



Nguồn: BSC Research



CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT TUẦN

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/1/21	GAS	92.7	107	83.75	91.6	5	-1.19%	Có thể tiếp tục mua
10/1/21	PVD	19.65	23.5	15.5	22.8	5	16.03%	Cân nhắc không mua thêm (**)
10/1/21	PVS	20.5	25	17	21.6	5	5.37%	Có thể tiếp tục mua
10/1/21	PXS	8.72	11	7.5	8.5	5	-2.52%	Có thể tiếp tục mua
3/1/21	BFC	17.45	19.5	16	17.55	12	0.57%	Có thể giữ nguyên vị thế
27/12/20	DPM	18.7	20.5	17.5	19.65	19	5.08%	Có thể tiếp tục mua
13/12/20	AST	55.8	64	52.25	59.3	33	6.27%	Có thể tiếp tục mua
13/12/20	CTD	70.5	87	66.75	83.1	33	17.87%	Cân nhắc không mua thêm (**)
1/11/20	VIC	106.5	125	99.5	111.2	75	4.41%	Có thể tiếp tục mua
11/10/20	VTP	108.8	120	99	111.2	96	2.21%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích: (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt (**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/1/21	APG	11.45	12.5	10.75	TP	4	9.17%
3/1/21	CMX	17.9	20	16	TP	10	11.73%
3/1/21	HND	19	21	18.5	TP	3	10.53%
27/12/20	AMV	19.4	22	18	TP	2	13.40%
27/12/20	DBD	48.2	52	46.75	SL	10	-3.01%
27/12/20	NT2	24.7	27.5	24	SL	2	-2.83%
20/12/20	CEO	9.6	10.9	8.3	TP	3	13.54%
20/12/20	CII	19.4	22	18.25	TP	10	13.40%
20/12/20	FTS	14.4	16.3	13.4	TP	11	13.19%
20/12/20	PAN	27.05	31.5	23.25	TP	9	16.45%
13/12/20	C32	25	27	23.5	TP	18	8.00%
13/12/20	HVN	27.45	30.5	26.5	SL	11	-3.46%
6/12/20	AAV	9.3	10.4	8.25	TP	8	11.83%
6/12/20	PPC	23.85	26	23.45	TP	33	9.01%
29/11/20	BCG	8.36	9	7.9	TP	9	7.66%

Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ

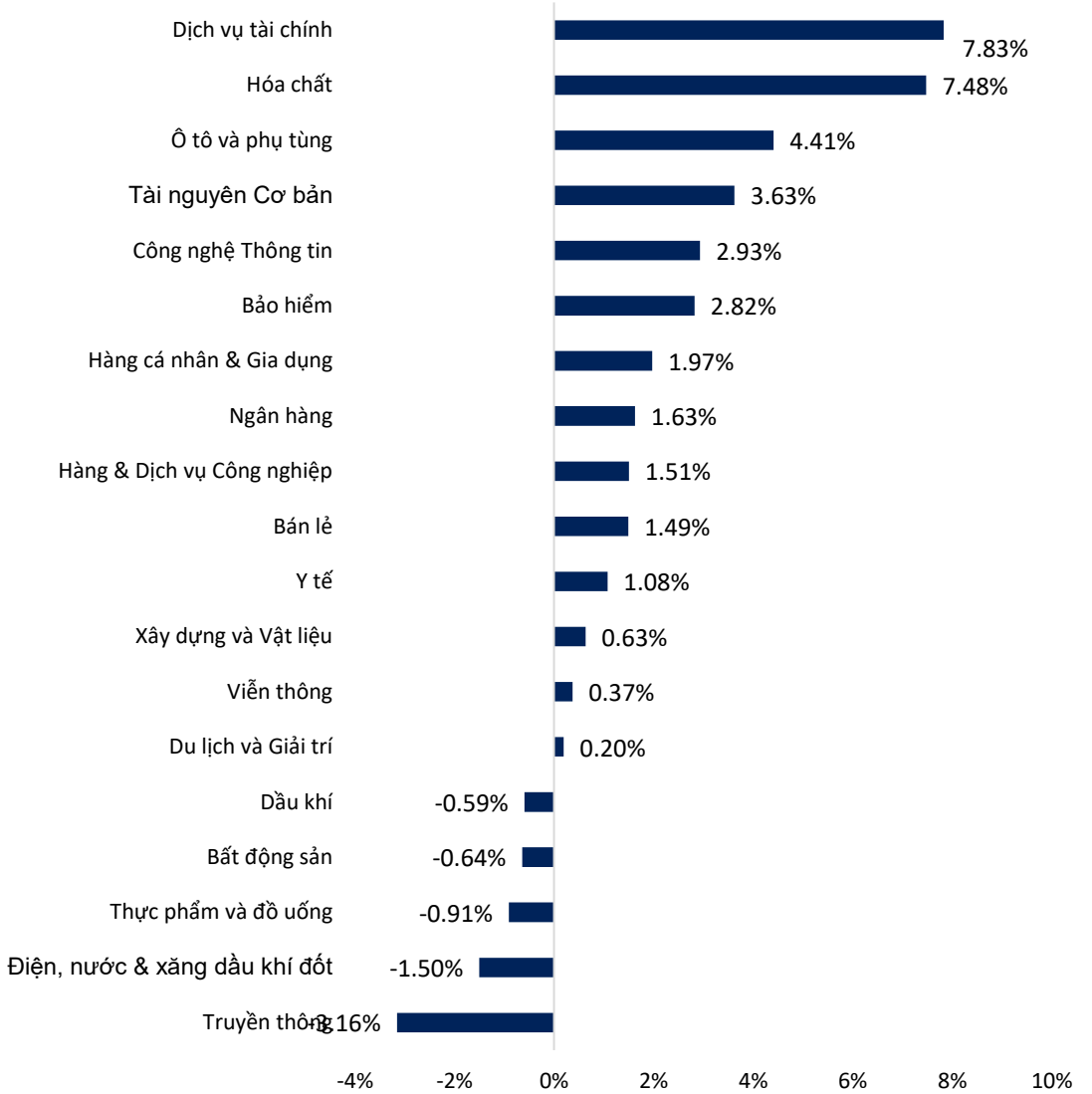
Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất KN lãi	Hiệu suất KN lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình
Chưa chốt	8	2	7.23%	-1.85%	5.41%	29
Đã chốt	74	44	13.60%	-8.17%	5.48%	29



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Dịch vụ tài chính	3.25%	7.83%	39.01%	SSI	10.13%	HCM	7.05%
Hóa chất	-0.45%	7.48%	30.12%	DRC	0.00%		
Ô tô và phụ tùng	1.65%	4.41%	24.36%	VEA	-0.42%		
Tài nguyên Cơ bản	0.58%	3.63%	14.36%	HPG	3.37%	HSG	4.98%
Công nghệ Thông tin	0.82%	2.93%	17.55%	FPT	2.94%	CMG	0.26%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	52.36	-2.26%	0.23%	11.05%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	55.10	-2.34%	-1.59%	9.65%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	152.84	-1.64%	-0.90%	15.61%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,828.45	-0.98%	-1.11%	-1.36%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	24.77	-2.94%	-2.57%	1.12%	PNJ	
Đậu tương	USd/bu.	1,416.75	-0.96%	3.06%	20.63%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	675.50	0.82%	5.75%	13.24%		AFX
Sữa	USD/cwt	16.23	0.06%	-2.81%	0.81%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	243.10	1.97%	-0.78%		SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	16.45	-1.32%	5.45%	16.50%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	128.15	0.63%	3.60%	1.59%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	7,949.00	-1.24%	-2.24%	2.27%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	4,368.00	2.03%	-2.35%	8.66%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	1,991.00	-0.72%	-1.51%	-1.56%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	CNY/MT	1,058.00	1.93%	-0.56%	8.07%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	88.75	-0.28%	5.65%	8.43%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	693.73	1.41%	-3.49%	4.96%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VHM	+5.39%	4.685
GVR	+11.72%	3.66
HPG	+4.09%	1.56
BCM	+9.88%	1.30
VPB	+4.78%	1.12
TCB	+3.22%	1.08
KBC	+25.09%	0.88
STB	+8.76%	0.86
VJC	+4.19%	0.77
VRE	+3.38%	0.752
Tổng		16.674

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-1.53%	-1.596
NVL	-4.23%	-0.849
GAS	-1.19%	-0.566
VIC	-0.54%	-0.546
HNG	-7.08%	-0.358
LGC	-7.25%	-0.259
VGC	-2.51%	-0.084
PLX	-0.36%	-0.07
BHN	-1.32%	-0.069
TN1	-12.78%	-0.066
Tổng		-4.463

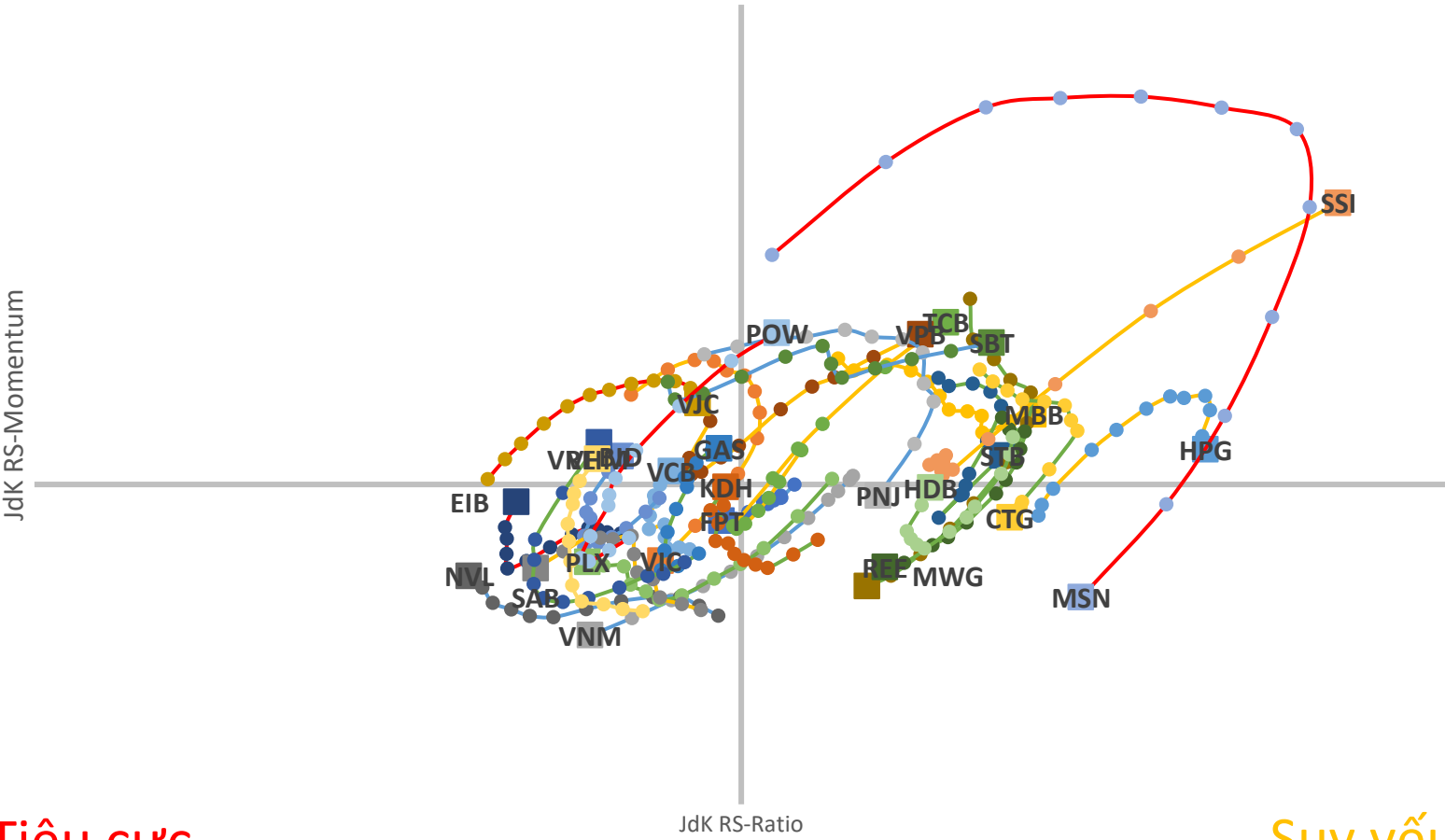
Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
KBC	569.14	16.10
NVL	515.89	6.23
VIC	470.98	13.83
FUEVFN	420.78	
E1VFN3	324.35	
VRE	228.29	31.35
HDB	119.14	17.35
MSB	103.21	
CII	56.22	28.95
TCH	53.24	5.34
Tổng	2,861.23	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
MSN	-1728.88	33.64
HPG	-997.93	32.43
VND	-283.24	27.12
CTG	-281.58	28.85
LPB	-252.86	3.58
VCI	-174.00	27.43
VCB	-133.48	23.76
GAS	-111.32	3.12
VTP	-90.71	
FCN	-81.64	50.28
Tổng	-4135.64	

Hồi phục

Ma trận tương quan cổ phiếu thuộc VN30 vs. VN-Index

Tích cực



Tiêu cực

Suy yếu

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

Nguồn: Bloomberg, BSC Research



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	1,120.93	8,160.59	23,405.59
Giá trị bán	3,228.76	10,103.78	26,722.31
Mua / bán ròng	-2,107.83	-1,943.21	-3,316.71
Giao dịch tự doanh			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	490.49	2,727.74	9,988.68
Giá trị bán	406.92	1,705.48	7,122.34
Mua / bán ròng	83.58	1,022.25	2,866.35
Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
FPT	217.89	FUEVFN30	-267.50
MBB	126.14	E1VFN30	-260.41
VHM	117.27	SSI	-75.28
DXG	114.90	IJC	-51.35
VPB	110.60	CII	-18.55
MWG	109.24	SBT	-18.37
TCB	99.02	BSI	-14.70
VNM	72.07	FUEMAV30	-6.86
STB	71.47	AGG	-6.53
CTG	62.86	DHC	-4.72

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
VNM	425.86	16.51	0.10	0.99%	1.64	1.60	-1.54
FTSE	291.32	33.51	0.00	-1.12%	4.48	11.16	13.72
iShare	423.11	29.08	0.00	-0.28%	0.00	0.00	0.00
E1VFN30	370.97	0.85	5.00	0.16%	15.8	20.2	15.9
FUEVFN30	277.71	0.81	9.60	1.76%	19.9	39.5	111.7
FUESSVFL	54.29	0.65	0.00	0.64%	1.3	4.7	0.4
FUESSVN30	3.05	0.62	0.00	1.01%	0.0	0.0	-0.4
FUEMAVN30	12.98	0.59	1.00	-0.05%	3.0	5.7	
VN100	3.80	0.63	0.00	0.88%	0.0	0.0	-0.1
KIM	197.23	12.64	0.00	-0.37%	0.00	-4.85	
PREMIA	24.29	10.56	0.00	-0.19%	0.00	0.41	-1.73

Nhận định: Khối ngoại bán ròng trong xu hướng mua bán trái chiều trong khu vực. Tuy nhiên các ETFs đã tham gia tích cực trong tuần qua với ETF VNM, FTSE, E1, Diamond, Mirae Asset và premia trong khi ETF Kim giảm mạnh quy mô.

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



CẬP NHẬT i-INVEST

* Danh mục đáng chú ý trong tuần: Theme_Chiến tranh thương mại_11.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	16/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX						
Chiến tranh thương mại	1.0%	11.5%	15.6%	15.6%	15.6%	15.6%	17.4%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.4%	11.4%	17.0%	17.0%	17.0%	17.0%	17.4%
EVFTA	2.3%	9.8%	17.7%	17.7%	17.7%	17.7%	16.0%
Corona Avengers	3.7%	7.7%	15.2%	15.2%	15.2%	15.2%	20.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.6%	7.7%	11.7%	11.7%	11.7%	11.7%	33.8%
Dầu khí	3.1%	6.8%	18.4%	18.4%	18.4%	18.4%	32.1%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.5%	5.9%	16.7%	16.7%	16.7%	16.7%	16.4%
VN Diamond	1.1%	4.2%	11.6%	11.6%	11.6%	11.6%	10.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.4%	4.0%	6.7%	6.7%	6.7%	6.7%	14.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.9%	3.7%	11.7%	11.7%	11.7%	11.7%	11.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.8%	3.4%	10.1%	10.1%	10.1%	10.1%	12.5%
VN FinSelect	2.2%	3.4%	14.2%	14.2%	14.2%	14.2%	19.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.0%	3.2%	15.1%	15.1%	15.1%	15.1%	20.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.7%	2.9%	10.6%	10.6%	10.6%	10.6%	10.5%
Lãi suất giảm	1.4%	2.6%	4.8%	4.8%	4.8%	4.8%	16.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.9%	2.6%	8.3%	8.3%	8.3%	8.3%	17.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.5%	2.6%	9.3%	9.3%	9.3%	9.3%	12.0%
Xây dựng	-0.1%	2.4%	5.8%	5.8%	5.8%	5.8%	18.5%
FTSE Việt Nam	0.6%	2.1%	7.6%	7.6%	7.6%	7.6%	19.0%
Đầu tư công	0.0%	1.8%	5.7%	5.7%	5.7%	5.7%	18.5%
Stay-at-home	-0.5%	1.8%	1.6%	1.6%	1.6%	1.6%	16.8%
Cổ phiếu ngành Dược	-0.6%	1.8%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	15.0%
Vật liệu Xây dựng	-0.6%	1.6%	4.5%	4.5%	4.5%	4.5%	13.6%
Ngân Hàng	1.1%	1.5%	10.8%	10.8%	10.8%	10.8%	17.1%
Hàng tiêu dùng	0.2%	1.1%	2.8%	2.8%	2.8%	2.8%	13.3%
Nước & Năng lượng	-0.1%	0.4%	3.9%	3.9%	3.9%	3.9%	14.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Mục tiêu	9/4 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX						
S21	0.6%	3.4%	8.6%	8.6%	8.6%	8.6%	16.0%
L11	0.7%	3.3%	8.5%	8.5%	8.5%	8.5%	15.7%
L32	0.8%	3.0%	8.0%	8.0%	8.0%	8.0%	12.9%
S32	0.0%	2.9%	7.8%	7.8%	7.8%	7.8%	12.2%
S11	0.8%	2.7%	6.9%	6.9%	6.9%	6.9%	14.3%
M31	0.2%	2.6%	9.1%	9.1%	9.1%	9.1%	12.5%
M12	0.4%	2.1%	8.7%	8.7%	8.7%	8.7%	12.3%
M22	0.2%	2.1%	7.2%	7.2%	7.2%	7.2%	11.5%
L22	0.6%	1.9%	7.2%	7.2%	7.2%	7.2%	13.9%
Khẩu vị Rủi ro	3/2 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX						
LOW1	1.5%	8.9%	18.0%	18.0%	18.0%	18.0%	14.6%
HIGH3	0.7%	4.5%	10.3%	10.3%	10.3%	10.3%	14.5%
MID1	0.7%	2.9%	8.1%	8.1%	8.1%	8.1%	11.7%
INDEX							
VNINDEX	0.6%	2.3%	8.2%	8.2%	8.2%	8.2%	9.9%
VN30INDEX	1.1%	3.0%	10.4%	10.4%	10.4%	10.4%	10.9%

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	17	9	18	8	16	10
Mục tiêu	9	5	4	6	3	4	5
Rủi ro	3	3	0	3	0	2	1



CẬP NHẬT i-BROKER

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FRT 2020Q4	18/11/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 22200 Dự báo KQKD: Quý 4 năm 2020: không thấy hồi phục trong năm 2020. Dự kiến Q4.2020 tình hình giống 9T.2020. Năm 2021: (1) Doanh thu: Laptop có thể tiếp tục tăng nhưng mảng Điện thoại hồi phục chậm. Long Châu tăng gấp đôi doanh thu nhờ tiếp tục mở cửa hàng. (2) Biên gộp dự kiến tăng lên 15% từ mức 14% do (i) tiết kiệm chi phí thuê mặt bằng (ii) doanh thu mỗi nhân viên tăng.
Express TCM 2020Q4	17/11/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 28700 Cập nhật KQKD: Triển vọng ngành Dệt may trong 2021: (1) Các khách hàng sẽ dịch chuyển từ vendor nhỏ sang vendor lớn, ngành dệt may phục hồi chậm, không nhanh. (2) Đối với TCM, công ty đã nhận đơn hàng đến Q1.2021. (3) Về mặt hàng mặt nạ và đồ bảo hộ (mask and gown): Tháng 11 và tháng 12 chưa có đơn hàng bảo hộ. Do thời gian giao hàng rất nhanh (2 tuần) nên sẽ phụ thuộc vào tình trạng Covid ở Mỹ. Công ty kỳ vọng Q4 vẫn có đơn hàng về đồ bảo hộ.
Express DGC 2020Q4	13/11/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 55000; Giá tại Publish 46700 Cập nhật KQKD: Thông tin về HPO Điện tử: phục vụ trước vào khách hàng Hàn Quốc (có nhu cầu: 50,000 tấn, còn nhu cầu nhập từ Việt Nam là 35,000 tấn nếu đáp ứng được tiêu chuẩn). Chủ yếu áp dụng cho nhu cầu màn hình LCD. Thông tin về P2O5: hướng tới thị trường Mỹ, EU do (i) nhu cầu cao và hưởng lợi từ chiến tranh thương mại (áp thuế đối với P2O5 từ Trung Quốc). Thông tin về PCL3 (tập trung vào pha III của dự án Nghi Sơn): chi phí sản xuất sẽ rẻ hơn do công ty lúc đó làm chủ được nguồn HCL (bây giờ phải mua HCL từ CSV hoặc HVT)
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 18600; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x.
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 79390; Giá tại Publish 66000 Dự báo KQKD: 2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x.

Sử dụng iBroker tại đây [Link](#)

Hướng dẫn sử dụng [Link](#)

Room tư vấn Skype

Room tư vấn Zalo



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký